

Số: 249/2024/QĐST-DS

Càng Long, ngày 02 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 180/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023.

Căn cứ vào đơn xin miễn giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm của ông Nguyễn Thành Công do là người cao tuổi.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1954. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị V tự nguyện thỏa thuận:

Bà Nguyễn Thị V tự nguyện tháo dỡ hàng rào và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành C đối với thửa đất số 241, diện tích đất 112,2m², tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp T, xã Đại P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Nguyễn Thành C tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)

Ông Nguyễn Thành C được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 112,2m², mục đích sử dụng: ONT, CLN (trong đó loại đất ở nông thôn là 50m²) thuộc thửa 241, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Vị trí đất theo sơ đồ khu đất Kèm Công văn số 101/CNHCL ngày 04/4/2024 V/v cung vấp kết quả khảo sát, đo đạc của Văn Phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện C cung cấp)

- **Về thời gian trả tiền:** Ngày 22/11/2024, ông Nguyễn Thành C trả đủ số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Số tiền 2.500.000 đồng. Hai bên tự nguyện thỏa thuận:

Ông Nguyễn Thành C tự nguyện nộp toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản. Ông Công đã nộp đủ chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Số tiền 150.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch và số tiền 175.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Hai bên tự nguyện thỏa thuận mỗi bên nộp 50% áp phí nên bà Nguyễn Thị V phải nộp 162.500 đồng, ông Nguyễn Thành C phải nộp 162.500 đồng.

Do ông C là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004883 ngày 11/11/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu được căn trừ tiền án phí mà bà V phải nộp. Bà V được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch 137.500 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành

án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Huỳnh Sa Rên